

Phụ lục 3

**PHỤ LỤC CHI TIẾT TIẾT KIEM 10% NĂM 2026 (NGUỒN KINH PHÍ TỰ CHỦ)
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 135/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /6/2026 của Sở GDĐT)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Dự toán giao đầu năm (đã trừ 10% tiết kiệm đầu năm)	Tổng kinh phí loại trừ (tiền lương, các khoản có tính chất lương, chi con người)	Tổng kinh phí còn lại	Trừ 10% tiết kiệm
A	B	1	2	3= 1-2	4=3*10%
	TỔNG CỘNG	1.380.701	1.299.101	81.601	8.160
1	Trường THPT Phan Châu Trinh	51.699	48.795	2.904	290
2	Trường THPT Trần Phú	30.403	28.666	1.736	174
3	Trường THPT Nguyễn Hiền	24.154	22.584	1.570	157
4	Trường THPT Hòa Vang	19.350	18.246	1.104	110
5	Trường THPT Ông Ích Khiêm	23.299	21.236	2.064	206
6	Trường THPT Thái Phiên	32.447	30.373	2.074	207
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	22.026	20.747	1.279	128
8	Trường THPT Ngô Quyền	20.056	18.813	1.243	124
9	Trường THPT Ngũ Hành Sơn	17.147	16.203	944	94
10	Trường THPT Nguyễn Trãi	18.737	18.005	732	73
11	Trường THPT Phạm Phú Thứ	17.778	16.978	800	80
12	Trường THPT Phan Thành Tài	19.380	18.269	1.111	111
13	Trường THPT Tôn Thất Tùng	18.706	17.627	1.079	108
14	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	17.825	16.784	1.042	104
15	Trường THPT Thanh Khê	18.708	17.639	1.069	107
16	Trường THPT Cẩm Lệ	17.171	16.128	1.043	104
17	Trường THPT Liên Chiểu	13.928	12.892	1.036	104
18	Trường THPT Võ Chí Công	11.519	10.777	742	74
19	Trường THPT Sơn Trà	14.493	13.440	1.053	105
20	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	14.311	13.226	1.085	109
21	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	25.845	23.613	2.232	223
22	Trường THPT Duy Tân	18.262	17.233	1.029	103
23	Trường THPT Lê Quý Đôn	20.019	18.796	1.223	122
24	Trường THPT Phan Bội Châu	22.259	21.201	1.057	106
25	Trường THPT Trần Cao Vân	24.223	23.180	1.044	104
26	Trường THPT Nguyễn Trãi - Hội An	16.157	15.465	692	69
27	Trường THPT Trần Hưng Đạo	13.072	12.241	831	83
28	Trường THPT Trần Quý Cáp	16.815	16.126	689	69
29	Trường THPT Hoàng Diệu	16.869	16.569	300	30
30	Trường THPT Lương Thế Vinh	22.777	21.980	797	80
31	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu	22.062	21.474	588	59
32	Trường THPT Nguyễn Khuyến	16.746	16.648	98	10
33	Trường THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	10.141	9.935	206	21
34	Trường THPT Hồ Nghinh	12.884	12.755	129	13

STT	Đơn vị	Dự toán giao đầu năm (đã trừ 10% tiết kiệm đầu năm)	Tổng kinh phí loại trừ (tiền lương, các khoản có tính chất lương, chi con người)	Tổng kinh phí còn lại	Trừ 10% tiết kiệm
A	B	1	2	3= 1-2	4=3*10%
35	Trường THPT Lê Hồng Phong	13.672	13.081	591	59
36	Trường THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	14.422	13.667	755	76
37	Trường THPT Sào Nam	16.783	16.004	780	78
38	Trường THPT Chu Văn An	16.869	15.912	957	96
39	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	16.590	16.324	266	27
40	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	16.616	15.953	663	66
41	Trường THPT Lương Thúc Kỳ	15.176	14.739	437	44
42	Trường THPT Hùng Vương	17.848	17.208	640	64
43	Trường THPT Lý Tự Trọng	10.211	9.976	235	23
44	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	20.452	19.553	899	90
45	Trường THPT Thái Phiên - Thăng Bình	16.638	15.999	639	64
46	Trường THPT Tiểu La	19.022	18.084	939	94
47	Trường THPT Quế Sơn	13.779	13.177	602	60
48	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	16.177	15.231	947	95
49	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	10.141	9.686	455	46
50	Trường THPT Nguyễn Dục	12.766	12.108	658	66
51	Trường THPT Trần Văn Dư	12.392	11.894	498	50
52	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	13.089	12.460	630	63
53	Trường THPT Núi Thành	23.972	22.889	1.083	108
54	Trường THPT Cao Bá Quát	18.392	17.610	782	78
55	Trường THPT Nguyễn Huệ	19.656	18.697	959	96
56	Trường THPT Nông Sơn	11.138	10.713	425	42
57	Trường THPT Hiệp Đức	12.808	12.461	347	35
58	Trường THPT Trần Phú - Việt An	10.231	10.028	203	20
59	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	16.103	14.998	1.105	110
60	Trường THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	13.880	13.257	623	62
61	Trường THPT Âu Cơ	7.076	6.756	319	32
62	Trường THPT Quang Trung - Đông Giang	9.606	9.258	347	35
63	Trường THPT Tây Giang	8.474	7.544	931	93
64	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	6.255	6.024	230	23
65	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	12.966	11.615	1.350	135
66	Trường THPT Tố Hữu	10.525	10.476	49	5
67	Trường THPT Khâm Đức	11.533	10.949	584	58
68	Trường THPT Bắc Trà My	18.829	17.899	930	93
69	Trường THPT Nam Trà My	10.686	9.533	1.153	115
70	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	35.794	32.861	2.933	293
71	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	26.566	22.806	3.760	376

STT	Đơn vị	Dự toán giao đầu năm (đã trừ 10% tiết kiệm đầu năm)	Tổng kinh phí loại trừ (tiền lương, các khoản có tính chất lương, chi con người)	Tổng kinh phí còn lại	Trừ 10% tiết kiệm
A	B	1	2	3= 1-2	4=3*10%
72	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	25.468	21.999	3.469	347
73	Trường PTDTNT THPT Quảng Nam	13.984	12.118	1.867	187
74	Trường PTDTNT THPT và THCS Phước Sơn	10.042	8.174	1.867	187
75	Trường PTDTNT THPT và THCS Nước Oa	10.799	9.096	1.703	170
76	Trường PTDTNT THPT và THCS Nam Trà My	8.484	6.738	1.746	175
77	Trường Chuyên biệt Tương Lai	13.614	12.334	1.280	128
78	Trung tâm Hỗ trợ PTGD hòa nhập	14.016	12.890	1.126	113
79	Trung tâm GDTX Số 1	7.612	7.542	70	7
80	Trung tâm GDTX Số 2	9.792	9.716	76	8
81	Trung tâm GDTX Số 3	7.455	7.408	47	5
82	Trung tâm GDTX Số 4	0	0		-
83	Văn phòng Sở GDĐT	21.033	19.012	2.021	202